

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 5
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng I Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010005	Đỗ Duy	Anh	15/03/1991	7	3					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
2	3375010022	Tạ Ngọc	Chính	20/05/1991	5	3					4.00	1.20	4.00	2.80	4	
3	3375010031	Nguyễn	Cường	26/10/1991	8	3					5.50	1.65	4.00	2.80	4	
4	3375010052	Nguyễn Quang	Duy	01/06/1989		8					8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại
5	3375010065	Nguyễn Hoàng	Dương	06/11/1991	3	1					2.00	0.60	3.00	2.10	3	
6	3375010067	Nguyễn Văn	Dương	15/11/1991	3	3					3.00	0.90	3.00	2.10	3	
7	3375010081	Đào Duy	Điệp	02/01/1991	6	3					4.50	1.35	4.00	2.80	4	
8	3375010082	Mai Minh	Điệp	14/01/1991	5	5					5.00	1.50	8.00	5.60	7	
9	3375010086	Phạm Thanh	Đồng	23/06/1990	0	5					2.50	0.75	1.00	0.70	1	Học lại
10	3375010097	Huỳnh Long	Giao	15/09/1991	6	2					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
11	3375010098	Hà Văn	Giảng	25/09/1991	4	0					2.00	0.60	2.00	1.40	2	
12	3375010101	Trần Đăng	Hậu	20/09/1991	5	4					4.50	1.35	6.00	4.20	6	Học lại
13	3375010107	Lê Bá	Hải	30/10/1990	2	0					1.00	0.30	1.00	0.70	1	
14	3375010116	Vi Thanh	Hải	18/01/1990	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	Học lại
15	3375010118	Trương Thanh	Hiền	20/06/1991		6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
16	3375010121	Châu Quốc	Hoàng	12/08/1991	4	5					4.50	1.35	3.00	2.10	3	
17	3375010128	Nguyễn Khắc	Hùng	20/12/1988	6	7					6.50	1.95	7.00	4.90	7	Học lại
18	3375010135	Lê Viết	Hơn	07/06/1991		8					8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại
19	3375010143	Nguyễn Văn	Kháng	23/02/1990	2	2					2.00	0.60	4.00	2.80	3	
20	3375010147	Trương Văn	Khánh	17/01/1991	4	3					3.50	1.05	2.00	1.40	2	
21	3375010157	Huỳnh Nguyễn	Kính	28/02/1991		6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010158	Nguyễn Ngọc	Kỳ	03/03/1991		7					7.00	2.10	2.00	1.40	4	Học lại
23	3375010169	Trương Xuân	Linh	26/05/1990	3	0					1.50	0.45	0.00	0.00	0	
24	3375010186	Nguyễn Văn	Lý	10/07/1991	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	Học lại
25	3375010189	Bùi Văn	Mão	16/05/1988	1	1					1.00	0.30	3.00	2.10	2	
26	3375010206	Lê Trọng	Nghĩa	10/03/1991	7	3					5.00	1.50	3.00	2.10	4	
27	3375010214	Nguyễn Trọng	Nhân	11/11/1991	8	5					6.50	1.95	4.00	2.80	5	Học lại
28	3375010229	Hoàng Ngọc	Phong	01/07/1990	6	4					5.00	1.50	0.00	0.00	2	Học lại
29	3375010257	Nguyễn Phúc Minh	Quân	08/04/1991	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	Học lại
30	3375010267	Nguyễn Đức	Sang	10/09/1990	3	3					3.00	0.90	1.00	0.70	2	Học lại
31	3375010268	Nguyễn Ngọc	Sang	20/07/1991	6	1					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
32	3375010269	Trang Quốc	Sang	18/04/1989	4	6					5.00	1.50	1.00	0.70	2	Học lại
33	3375010286	Phan Tăng	Tân	04/02/1991	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
34	3375010295	Lê Hải	Thanh	09/08/1988	5	2					3.50	1.05	2.00	1.40	2	
35	3375010296	Nguyễn Cao	Thanh	01/08/1991	6	3					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
36	3375010298	Phạm Văn	Thanh	10/12/1991	6	3					4.50	1.35	1.00	0.70	2	
37	3375010302	Hồ Văn	Thắng	16/01/1990	3	3					3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
38	3375010324	Mai Thành	Thống	26/03/1991	5	4					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
39	3375010334	Huỳnh Văn	Thịnh	20/08/1990	8	7					7.50	2.25	3.00	2.10	4	Học lại
40	3375010342	Nguyễn Quốc	Tiến	25/05/1990	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
41	3375010362	Phạm Thanh	Trung	03/01/1991		6					6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
42	3375010365	Phan Đình	Trị	25/01/1991	2	2					2.00	0.60	2.00	1.40	2	
43	3375010390	Nguyễn Thanh	Tùng	22/11/1991		6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	Học lại
44	3375010392	Phạm Chí	Tuyến	25/12/1991	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
45	3375010395	Đỗ Minh	Ty	20/04/1990	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
46	3375010406	Vy Thanh	Vinh	09/06/1991	8	5					6.50	1.95	5.00	3.50	5	Học lại
47	3375010414	Dương Mạnh	Vĩnh	15/07/1989	3	5					4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
48	3375010415	Nguyễn Quốc	Vĩnh	21/06/1991	3	5					4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại

49	3375010418	Nguyễn Minh	Vương	20/05/1990	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
----	------------	-------------	-------	------------	---	---	--	--	--	--	------	------	------	------	---	--

Tổng: 49.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	2	4.1

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	5	10.2
Trung bình	17	34.7
Không đạt	25	51.0
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....

Giáo Vụ Khoa